

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC SAU 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 27 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG X VỀ “XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC”

● VÔ KHÁNH VINH

TÓM TẮT:

Bài viết tìm hiểu những vấn đề sau đây: khái quát về khoa học xã hội, đội ngũ trí thức khoa học xã hội, các tiêu chí đánh giá sự đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học xã hội; khái quát về sự phát triển đội ngũ trí thức khoa học xã hội và thực trạng đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học xã hội đối với phát triển đất nước thời gian qua; những vấn đề đặt ra để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức khoa học xã hội đối với phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Từ khóa: trí thức khoa học xã hội, thực trạng trí thức khoa học xã hội, đóng góp của trí thức khoa học xã hội, phát huy sự đóng góp của trí thức khoa học xã hội.

1. Khái quát về khoa học xã hội, đội ngũ trí thức khoa học xã hội, các tiêu chí đánh giá sự đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học xã hội

Trước hết, có câu hỏi được đặt ra cần được trả lời để làm cơ sở cho việc đánh giá sự đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học xã hội là dựa vào đâu để đánh giá sự đóng góp đó?

Chúng tôi cho rằng, để có cơ sở làm tiêu chí đánh giá sự đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học xã hội cần có những nhận thức khái quát sau đây.

1.1. Khái quát về khoa học xã hội, các lĩnh vực và các chủ thể nghiên cứu khoa học xã hội

Khoa học xã hội là một lĩnh vực khoa học. Khoa học xã hội là một cấu thành xã hội phức tạp, do con người xây dựng nên để phát hiện, làm sáng tỏ một cách hợp lý các quy luật tồn tại và phát triển của xã hội, con người và của tư duy, là sự ghi nhận hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của xã hội. Con người và tư duy, có thể được kiểm chứng, bác bỏ, nhưng nói chung được dùng để

dự báo, xây dựng xã hội, bảo đảm an ninh và tương lai của xã hội loài người.

Khoa học xã hội, theo nội dung, bao gồm: các chủ thể của khoa học xã hội, hoạt động nhận thức (quá trình thu nhận một cách hợp lý những hiểu biết), kết quả của quá trình đó - hệ thống tri thức được luận chứng về lý luận và thực nghiệm, kết cấu hạ tầng xã hội của khoa học xã hội (tổ chức, thể chế và các yếu tố khác), đạo đức của lao động khoa học, hệ thống thông tin khoa học, hệ thống tài chính và các thành tố khác.

Khoa học xã hội được phân thành các lĩnh vực khác nhau, tùy thuộc vào tiêu chí phân loại được lựa chọn. Việc phân loại khoa học xã hội có ý nghĩa nhận thức, lý luận và thực tiễn quan trọng. Dưới dạng khái quát nhất, đây cũng là một tiêu chí để đánh giá sự đóng góp của các lĩnh vực khoa học xã hội cụ thể đối với sự phát triển đất nước.

Phân loại khoa học xã hội theo *lĩnh vực đối tượng*. Việc phân loại hiểu biết khoa học xã hội hiện nay và các khoa học cụ thể cấu thành nên khoa học xã hội được tiến hành theo các lĩnh vực đối tượng mà trong phạm vi của nó diễn ra sự khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật xuất hiện, hình thành và phát triển các khách thể cụ thể mà khoa học xã hội nghiên cứu. Theo đó, khoa học xã hội¹ được phân thành:

Các khoa học xã hội ở nghĩa hẹp - tổng thể các khoa học nghiên cứu bản chất, quy luật ra đời, hình thành và phát triển của các cộng đồng xã hội, xã hội nói chung, các quá trình tồn tại của xã hội loài người, cũng như các hình thức và phương thức hoạt động sống của mọi người, các cơ chế quản lý các quá trình, tổ chức và định chế xã hội.

Các khoa học nhân văn - các khoa học nghiên cứu tất cả các kết quả hoạt động của con người, tức là khoa học về văn hóa, bộ phận cấu thành xã hội của con người, bộ phận quyết định các đặc điểm cơ bản của con người. Ở phương diện nội dung, các khoa học nhân văn bao gồm các khoa học về con người, về thái độ của con người đối với thế giới, xã hội, đối với chính mình một cách tương tự, về thế giới tinh thần của con người, các khoa học làm sáng tỏ ý nghĩa và nội dung của các loại và hình thức văn bản khác nhau với tư cách là các kết quả hoạt động tinh thần của con người. Ở nghĩa chuyên môn sâu hơn, đó là các khoa học về các sản phẩm của hoạt động sáng tạo tinh thần của con người, tức là về văn

hóa tinh thần. Các khoa học nhân văn bao gồm cả các khoa học nghiên cứu các mối liên hệ và các quy luật của tồn tại diễn cảm và tồn tại nói như: ngôn ngữ học, văn học, hán nôm, khảo cổ học, nghiên cứu âm nhạc, nghệ thuật học, đạo đức học, thẩm mỹ học, lôgic thuộc tính và các khoa học khác.

Khoa học lý luận chính trị - các khoa học nghiên cứu bản chất, quy luật ra đời, hình thành và phát triển của đời sống chính trị trong xã hội, các hình thức và phương thức hoạt động chính trị của mọi người, các cơ chế quản lý các quá trình, tổ chức và định chế chính trị.

Phân loại khoa học xã hội theo nội dung và chất lượng của các tri thức được thu nhận và theo việc đưa các tri thức đó vào thực tiễn xã hội, đời sống và hoạt động của con người. Theo tiêu chí này, các khoa học xã hội được phân thành các khoa học xã hội nghiên cứu cơ bản và các khoa học xã hội nghiên cứu ứng dụng².

Khoa học xã hội nghiên cứu cơ bản là lĩnh vực nghiên cứu phát triển nhất của tất cả các loại khoa học xã hội, hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật ra đời, hình thành và phát triển của xã hội, con người và tư duy, hướng đến việc thu nhận những tri thức và làm sâu sắc hơn những tri thức đã có về các khách thể được nghiên cứu. Mục tiêu của các nghiên cứu đó là mở rộng tầm hiểu biết khoa học về xã hội, con người và tư duy, về quá khứ, hiện tại và tương lai của xã hội, con người và tư duy. Khoa học xã hội nghiên cứu cơ bản thường không giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn cụ thể. Trong quá trình phát triển của mình, khoa học xã hội nghiên cứu cơ bản, thông thường, vượt trước và cần phải vượt trước các khoa học xã hội nghiên cứu ứng dụng, tạo ra nền tảng lý luận cho các khoa học ứng dụng.

Khoa học xã hội nghiên cứu ứng dụng là trình độ phát triển của khoa học xã hội và các hình thức, phương pháp được sử dụng, lĩnh vực nghiên cứu vận dụng những hiểu biết (tri thức) khoa học xã hội thu nhận được để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn, làm thỏa mãn các nhu cầu của con người và các cộng đồng trong việc tạo ra các sản loại sản phẩm khoa học xã hội mới, hoặc hoàn thiện các loại sản phẩm đang có, tối ưu hóa việc quản lý các loại quan hệ xã hội, bảo đảm an ninh con người và môi trường sống của con người. Nói cách khác, khoa học xã hội nghiên cứu ứng dụng trực tiếp hướng đến việc làm

thỏa mãn các nhu cầu tồn tại hiện thực trong xã hội, giải quyết các mâu thuẫn cụ thể.

Cần phải lưu ý rằng, trong mỗi loại khoa học đều hiện diện trình độ của các nghiên cứu cơ bản và các nghiên cứu ứng dụng. Sự thể hiện của chúng tùy thuộc vào nhiều điều kiện và tất nhiên, vào nhóm các nhà nghiên cứu có trách nhiệm vụ giải quyết các nhiệm vụ này hay các nhiệm vụ khác của nhận thức khoa học.

Các chủ thể nghiên cứu khoa học xã hội

Chủ thể của khoa học xã hội là những nhà khoa học, các tập thể khoa học xã hội, các tổ chức khoa học xã hội, cuối cùng, xã hội nói chung với tư cách là người sản xuất và tiêu dùng các kết quả của nhận thức. Trong các chủ thể đó, nhà khoa học, tổ chức khoa học xã hội là hai chủ thể trung tâm, trụ cột của khoa học xã hội.

Hoạt động khoa học xã hội đòi hỏi phải có những cán bộ đã được đào tạo về chuyên môn, thấu hiểu những thành tựu trước đây và đương đại của khoa học, có khả năng sử dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học, hiểu biết những quy phạm pháp luật và các giá trị đạo đức của cộng đồng khoa học. Những cán bộ nghiên cứu khoa học là những người có năng khiếu, tài năng, thiên tài, không chỉ là những người thực nghiệm tài năng, mà còn là những nhà tổ chức công việc thiết kế và vận hành nghiên cứu tốt.

Trong tiến trình phát triển, về mặt lịch sử, khoa học xã hội từ hoạt động nghiên cứu riêng lẻ của những người nghiên cứu riêng biệt đã biến thành hình thái đặc biệt, có tính độc lập tương đối của ý thức xã hội, chế định xã hội và hoạt động của con người, của xã hội loài người.

1.2. Về vai trò và các chức năng của khoa học xã hội Việt Nam

Lịch sử phát triển của xã hội loài người nói chung, lịch sử phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc nói riêng cho thấy vai trò to lớn của khoa học nói chung, khoa học xã hội nói riêng. Vai trò đó thể hiện khái quát ở chỗ, phát triển xã hội, phát triển con người không thể thiếu được khoa học, trong đó có khoa học xã hội. Không có khoa học, không dựa vào khoa học thì không thể phát triển nền kinh tế tri thức, đất nước không thể phát triển nhanh, bền vững, phồn vinh, hưng thịnh. Khoa học và công nghệ là chìa khóa của sự thành công. Khoa học xã hội là nhân tố không thể thiếu được của xã hội và

phát triển xã hội, của con người và phát triển con người, là kết quả đồng thời cũng là đầu vào của tư duy. Khoa học xã hội sản xuất ra tri thức khoa học xã hội với tư cách là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của xã hội, con người và tư duy, là nền tảng tinh thần của sự phát triển xã hội, phát triển con người. Với tư cách đó, khoa học xã hội là một nguồn lực, nguồn vốn, động lực, chủ thể (chủ thể nghiên cứu khoa học xã hội) của phát triển xã hội, phát triển con người. Phát triển bền vững đất nước, nâng cao chất lượng phát triển vì ấm no, tự do, hạnh phúc của con người không thể không dựa vào các thành tựu của khoa học, trong đó có khoa học xã hội. Do vậy, Đảng và Nhà nước ta xác định: phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước³.

Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện các chức năng cơ bản sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu cơ bản, xây dựng nền tảng tri thức, hệ giá trị tinh thần của xã hội và cho phát triển xã hội, phát triển con người, tích lũy tri thức để phát triển xã hội, phát triển con người.

Thứ hai, nghiên cứu ứng dụng, đưa các thành tựu của khoa học xã hội vào đời sống con người, đời sống nhà nước, đời sống xã hội, phục vụ lợi ích con người và xã hội.

Thứ ba, xây dựng, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước; tham mưu, tư vấn, phản biện khoa học đối với đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước.

Thứ tư, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học xã hội cho phát triển đất nước.

Thứ năm, truyền bá và phổ biến tri thức về khoa học xã hội Việt Nam với các nước trên thế giới, tiếp nhận tri thức khoa học xã hội thế giới, phát triển khoa học xã hội Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tiếp cận với trình độ thế giới.

Thứ sáu, nghiên cứu dự báo phục vụ phát triển đất nước.

Ngoài các chức năng nói trên, khoa học xã hội có các nhiệm vụ: xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; xây dựng luận cứ khoa học cho việc định ra đường lối, chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; góp phần

xây dựng nền giáo dục tiến tiến, xây dựng con người mới Việt Nam; kế thừa và phát huy giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và đóng góp vào kho tàng văn hóa, khoa học xã hội của thế giới, khu vực.

1.3. Về các đặc điểm - thuộc tính của khoa học xã hội

Trong tiến trình nghiên cứu lịch sử phát triển khoa học xã hội, có thể đi đến kết luận rằng, các đặc điểm - thuộc tính của khoa học xã hội có thể trở thành các tiêu chí đánh giá những biến đổi, những đóng góp của khoa học xã hội đối với sự phát triển xã hội, phát triển con người. Những biến đổi mang tính cách mạng đó là: (1) Ý nghĩa của bức tranh khoa học về xã hội, con người và tư duy, những biến đổi đúng đắn mang tính chất gốc rễ trong ý nghĩa của bức tranh khoa học về xã hội, con người và tư duy, có thể có sau khi có đổi mới tư duy mang tính cách mạng trong khoa học xã hội; (2) Những biến đổi về chất trong phương pháp luận nghiên cứu khoa học xã hội; (3) Những biến đổi về chất trong các phương pháp và phương thức nghiên cứu khoa học, cũng như những biến đổi về chất trong các yếu tố thuộc “bản chất thứ hai” được tạo ra trên nền tảng của những thành tựu của khoa học xã hội; (4) Các khả năng hiện có trong việc làm sáng tỏ các khả năng mang tính tiềm năng của xã hội, con người, sự hình thành các mô hình phát triển đất nước và quản lý phát triển đất nước và đời sống của chính con người.

1.3. Khái quát về cơ chế, chính sách đối với khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội

Cơ chế, chính sách đối với khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội chính là nơi khẳng định vai trò, chức năng, nhiệm vụ, các lĩnh vực khoa học xã hội, các chủ thể nghiên cứu khoa học xã hội, trong đó có đội ngũ trí thức khoa học xã hội.

Trong thời gian đổi mới vừa qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành các cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ để phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển đất nước. Chẳng hạn, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về “xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về “phát

triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Hiến pháp năm 2013; Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH 13 ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH 14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 các văn bản khác.

Các văn bản đó xác định rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp mang tính chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, trong đó có khoa học xã hội, các tiêu chí khái quát đánh giá sự đóng góp của khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội đối với sự phát triển đất nước. Đến nay, Đảng và Nhà nước ta chưa ban hành các cơ chế, chính sách, pháp luật riêng về khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội mà chỉ ban hành các cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ, đội ngũ trí thức nói chung, trong đó có khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách, pháp luật đó, có thể khái quát hóa những nội dung cơ bản của cơ chế, chính sách, pháp luật đối với khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội trên các phương diện sau đây:

Thứ nhất, khẳng định vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội trong phát triển đất nước.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về “xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” chỉ rõ đội ngũ trí thức, trong đó có đội ngũ trí thức khoa học xã hội là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức, là nguồn lực đặc biệt quan trọng tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển, phát huy đến mức cao nhất mọi nguồn lực, tiềm năng trí tuệ của dân tộc, đặc biệt là năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức. Đội ngũ trí thức khoa học xã hội là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập,

sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội.

Đảng và Nhà nước khẳng định: Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước⁴. Phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là một trong ba đột phá chiến lược phát triển đất nước⁵. Như vậy, phát triển trí thức nói chung, phát triển trí thức khoa học xã hội nói riêng là phát triển nguồn nhân lực đột phá của phát triển quốc sách hàng đầu. Phải chăng, phát triển nguồn trí thức là đột phá của đột phá phát triển nguồn nhân lực để phát triển đất nước.

Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 xác định rõ nhiệm vụ của hoạt động khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội: xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; xây dựng luận cứ khoa học cho việc định ra đường lối, chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; góp phần xây dựng nền giáo dục tiên tiến, xây dựng con người mới Việt Nam; kế thừa và phát huy giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và đóng góp vào kho tàng văn hóa, khoa học xã hội của thế giới⁶.

Thứ hai, xác định mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng, phát triển khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Về mục tiêu: Đến năm 2020, xây dựng đội ngũ trí thức (khoa học xã hội) lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức trong khu vực và thế giới; xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020⁷.

- Về quan điểm chỉ đạo:

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa X về “xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” đưa ra 3 quan điểm chỉ đạo của xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đó là:

(i). Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.

(ii). Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định. Trí thức có vinh dự và bổn phận trước Tổ quốc và dân tộc, không ngừng phấn đấu nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

(iii). Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến; có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước.

- Về nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

Trên cơ sở mục tiêu và các quan điểm chỉ đạo đã nêu, Nghị quyết đã xác định 5 nhóm nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đó là: 1) Hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức; 2) Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức; 3) Tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng trí thức; 4) Đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hội trí thức; 5) Nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức. Đặc biệt, nhóm nhiệm vụ và giải pháp thứ 4 đề cập trực tiếp trách nhiệm của đội ngũ trí thức và chất lượng hoạt động của các hội trí thức.

Thứ ba, hình thành hệ thống pháp luật khá đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động khoa học xã hội và hoạt động của đội ngũ trí thức khoa học xã hội

trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng, phát triển khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã được thể chế hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật, trước hết, trong Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018. Cụ thể: Trong Chương I: Những quy định chung, Luật đã xác định nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động khoa học và công nghệ, chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ, trong đó có khoa học xã hội (các điều 4,5,6). Chương III thể chế hóa các quan điểm của Đảng về cá nhân hoạt động khoa học công nghệ, phát triển nhân lực khoa học và công nghệ, trong đó có cá nhân hoạt động khoa học xã hội, phát triển nhân lực khoa học xã hội. Đặc biệt, Luật quy định rõ các quyền, nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ, ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ, thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài (các điều 20, 21, 22, 23, 24). Luật quy định rõ quyền của cá nhân nhà khoa học trong việc đề xuất ý tưởng khoa học và công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ (các điều 25, 26), quyền ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Điều 27), quyền tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Điều 29), quyền liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Điều 31), quyền và nghĩa vụ của cá nhân nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 35), quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 42), trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 44), việc khuyến khích và trách nhiệm tạo điều kiện để ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 45), khuyến khích thành lập quỹ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật (Điều 62), ưu đãi thuế và tín dụng đối với hoạt động khoa học và công nghệ (các điều 64, 65), quyền tham gia hoạt động hội nhập quốc tế về

khoa học và công nghệ (các điều 70, 71, 72), quyền được khen thưởng (các điều 77, 78), trách nhiệm về việc vi phạm (Điều 79).

Các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 được các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện trong các văn bản tương ứng như: Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 và các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về cụ thể hóa một số nội dung của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 và các văn bản khác.

Khái quát lại, những hiểu biết về các lĩnh vực của khoa học xã hội, chủ thể của khoa học xã hội; vai trò, các chức năng của khoa học xã hội Việt Nam; các đặc điểm - thuộc tính của khoa học xã hội là các tiêu chí khái quát cần được sử dụng để đánh giá sự đóng góp của khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội đối với phát triển đất nước. Tất nhiên, đó chỉ là các tiêu chí đánh giá khái quát nhất, bao trùm nhất. Để đánh giá cụ thể, sâu sắc, toàn diện về sự đóng góp của khoa học xã hội và đội ngũ trí thức khoa học xã hội đối với phát triển đất nước đòi hỏi phải có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể hơn. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của khoa học xã hội Việt Nam hiện nay.

2. Khái quát về sự phát triển đội ngũ trí thức khoa học xã hội và thực trạng đóng góp của đội ngũ trí thức khoa học xã hội đối với phát triển đất nước thời gian qua

2.1. Thực trạng phát triển đội ngũ trí thức (nguồn nhân lực) khoa học xã hội Việt Nam

(i) Những thành tựu

Dưới dạng khái quát nhất, có thể khái quát những thành tựu phát triển nguồn nhân lực khoa học xã hội ở nước ta trong thời gian qua theo các nội dung sau đây:

Thứ nhất, nguồn nhân lực khoa học xã hội (đội ngũ trí thức khoa học xã hội) ngày càng lớn mạnh, tăng nhanh về số lượng, chất lượng được nâng cao.

Nguồn nhân lực bao gồm nguồn nhân lực nghiên cứu và đào tạo về khoa học xã hội và nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu và đào tạo về khoa học xã hội. Cùng với sự nghiệp đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế tri thức, nguồn nhân lực khoa học xã hội

ngày càng lớn mạnh, tăng nhanh về số lượng, chất lượng được nâng cao. Sự lớn mạnh của nhân lực khoa học xã hội Việt Nam được thể hiện trên 2 phương diện: phương diện về lượng và phương diện về chất.

Trên phương diện về lượng, nhân lực khoa học xã hội tăng nhanh về số lượng. Có thể lấy số liệu sau đây để minh chứng. Chẳng hạn, số lượng nhân lực nghiên cứu viên khoa học xã hội đã tăng từ 30.643 người năm 2012 lên 48.962 người năm 2020 với tỷ lệ tăng gần 60%. Trong đó, nhân lực nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực khoa học xã hội chiếm tỷ lệ lớn (trên 60%), còn nhân lực nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực khoa học nhân văn chiếm tỷ lệ không lớn (chưa đến 20%). Nhân lực nghiên cứu khoa học xã hội tập trung chủ yếu ở các tổ chức đào tạo đại học, chiếm khoảng 70%. Nhân lực nghiên cứu thuộc các tổ chức nghiên cứu và phát triển chiếm 17,85%. Nhân lực nghiên cứu khoa học xã hội trong khu vực doanh nghiệp đã tăng từ 5,7% năm 2011 lên vị trí thứ hai với tỷ lệ 13,4% năm 2019. Nhân lực khoa học xã hội thuộc các tổ chức nghiên cứu và phát triển tăng từ 7,5% năm 2011 lên 14,4% năm 2017, tuy nhiên đã giảm xuống chỉ còn gần 11% vào năm 2019. Nhân lực khoa học xã hội của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập ngày càng giảm và chiếm tỷ trọng thấp nhất, chưa đến 1% trong tổng số nhân lực nghiên cứu khoa học xã hội⁸.

Trên phương diện về chất, nhân lực khoa học xã hội một bước được nâng cao về chất. Có thể lấy số liệu sau đây để minh chứng. Chẳng hạn, tỷ lệ cán bộ nghiên cứu có trình độ trên đại học (tiến sĩ, thạc sĩ) trong tổng số cán bộ nghiên cứu đã tăng từ 43,83% năm 2011 lên 56,3% năm 2019. Trong đó, tỷ lệ cán bộ nghiên cứu có trình độ cao (tiến sĩ) tăng nhanh từ xấp xỉ 11% năm 2011 lên 15,4% năm 2019⁹. Chất lượng nguồn nhân lực khoa học xã hội được cải thiện đáng kể đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội.

Thứ hai, cơ cấu của nhân lực khoa học xã hội đã có sự thay đổi tương đối lớn.

Công tác đào tạo nhân lực khoa học xã hội ngày càng phát triển; các ngành nghề đào tạo về khoa học xã hội được mở rộng; nhân lực khoa học xã hội đa dạng hơn về ngành nghề; đội ngũ cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu khoa học xã hội được

trẻ hóa; số lượng cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu khoa học xã hội là nữ ngày càng gia tăng; trình độ, năng lực nghiên cứu được nâng lên một bước; trình độ ngoại ngữ ngày càng cao.

Bộ phận (số lượng) trí thức tham gia công tác lãnh đạo, quản lý gia tăng về số lượng, phát huy tốt vai trò và khả năng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, chất lượng, hiệu quả vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Thứ ba, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học xã hội từng bước được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu mới về phát triển nhân lực khoa học xã hội.

Trên cơ sở các nguyên tắc hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt nguyên tắc bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ vì sự nghiệp phát triển đất nước, nguyên tắc trung thực, khách quan, đề cao đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nguyên tắc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, Nhà nước đã quy định khá đầy đủ các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học xã hội. Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định rõ các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ, ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ, thu cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài (các điều 20, 21, 22, 23, 24). Luật quy định rõ quyền của cá nhân nhà khoa học trong việc đề xuất ý tưởng khoa học và công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ (các điều 25, 26), quyền ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Điều 27), quyền tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Điều 29), quyền liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Điều 31), quyền và nghĩa vụ của cá nhân nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

(Điều 35), quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 42), trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 44), việc khuyến khích và trách nhiệm tạo điều kiện để ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 45), khuyến khích thành lập quỹ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật (Điều 62), ưu đãi thuế và tín dụng đối với hoạt động khoa học và công nghệ (các điều 64, 65), quyền tham gia hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ (các điều 70, 71, 72), quyền được khen thưởng (các điều 77, 78), trách nhiệm về việc vi phạm (Điều 79).

(ii) Những hạn chế

Tuy nhiên, trước yêu cầu của sự phát triển đất nước, đội ngũ trí thức khoa học xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập. Đó là:

Số lượng và chất lượng của đội ngũ trí thức khoa học xã hội (nhân lực khoa học xã hội) chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế.

Đội ngũ trí thức (nhân lực) làm công tác nghiên cứu và giảng dạy về khoa học xã hội còn thiếu và yếu. Cơ cấu đội ngũ trí thức khoa học xã hội còn bất hợp lý về ngành nghề, độ tuổi, giới tính, tính chuyên nghiệp chưa cao. Trí thức tinh hoa và hiền tài còn ít, chuyên gia đầu ngành về khoa học xã hội thiếu nghiêm trọng, hẫng hụt trong tiếp nối các thế hệ; chưa có nhiều tập thể khoa học, nhóm nghiên cứu khoa học xã hội mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế. Nhìn chung, hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội chưa xuất phát và gắn bó mật thiết với thực tiễn đời sống xã hội, đời sống nhà nước, đời sống con người, còn nặng về hàn lâm, lý thuyết.

Trong khoa học xã hội, nghiên cứu cơ bản chưa xây dựng được hệ thống lý luận đầy đủ, toàn diện, chưa có các công trình sáng tạo lớn, nhiều công trình còn sơ lược, sao chép, chưa hệ thống, tính phê phán trong nghiên cứu khoa học xã hội chưa cao; nghiên cứu ứng dụng còn thiếu khả năng dự báo và định hướng, chưa giải đáp được nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Trình độ của nhân lực khoa học xã hội ở nhiều tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và so với một số nước tiên tiến trong khu vực, nhất là về năng lực sáng tạo, tham mưu, tư vấn, phản biện khoa học, khả năng nghiên cứu ứng dụng và thực hành, khả năng tiếp nhận tư duy, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, tri thức mới, khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Một bộ phận nhân lực khoa học xã hội chưa thực sự say mê nghiên cứu, chạy theo lợi ích trước mắt, thiếu ý chí vươn lên về chuyên môn, thiếu tự tin, thiếu ý thức trách nhiệm và lòng tự trọng, thiếu trung thực và tin thần hợp tác, giảm sút đạo đức nghề nghiệp.

Công tác phát triển nhân lực khoa học xã hội của Đảng và Nhà nước còn nhiều hạn chế. Đến nay, sau 14 năm Nghị quyết về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” được ban hành, trong đó chỉ rõ, xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020, trong đó có đội ngũ trí thức khoa học xã hội vẫn chưa được ban hành. Do đó, chưa có các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mang tính chiến lược, đột phá về phát triển đội ngũ trí thức nói chung, trí thức khoa học xã hội nói riêng, làm cơ sở đầy đủ cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức khoa học xã hội ở nước ta. Nhiều chủ trương, chính sách, chưa thể hiện quan điểm lấy khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo làm “quốc sách hàng đầu”, chưa phù hợp với đặc điểm đặc thù của đội ngũ trí thức khoa học xã hội, chưa tạo động lực để phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học xã hội; thiếu cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để xây dựng, nâng cao vai trò của đội ngũ trí thức đầu ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội; cơ chế, chính sách tài chính, chế độ tiền lương đối với đội ngũ trí thức bị hành chính hóa, có nhiều bất hợp lý; thiếu chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức khoa học xã hội chuyên tâm cống hiến, phát triển và được xã hội tôn vinh bằng chính kết quả hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp; thiếu những cơ chế thích hợp để phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực khoa học xã hội; chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút trí thức khoa học xã hội người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giải quyết những vấn đề phát triển

của đất nước và tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức khoa học xã hội trong nước được giao lưu, hợp tác, làm việc ở các trung tâm khoa học và văn hóa lớn trên thế giới...

Những hạn chế, bất cập trên có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng các nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Đó là một số cán bộ đảng và chính quyền các cấp chưa nhận thức đúng, đầy đủ về vai trò, vị trí của trí thức khoa học xã hội trong phát triển đất nước, địa phương; chưa coi trọng đội ngũ trí thức khoa học xã hội, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; ngại tiếp xúc, đối thoại, chưa thực sự lắng nghe, thậm chí quy chụp, nhất là khi phản biện đối với những chủ trương,

chính sách, những đề án, dự án do các cơ quan lãnh đạo và quản lý đưa ra; chưa có hệ thống chính sách riêng, đặc thù về trí thức khoa học xã hội; công tác tổ chức cán bộ, công tác quản lý, nhất là khâu đánh giá, sử dụng trí thức khoa học xã hội còn nhiều điểm không hợp lý.

Tóm lại, các chính sách đối với đội ngũ trí thức khoa học xã hội còn thiếu đồng bộ, mang nặng tính hành chính, chậm được đổi mới, chưa phù hợp với các đặc điểm đặc thù của đội ngũ trí thức khoa học xã hội, chưa đủ sức đáp ứng nhu cầu phát triển về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học xã hội có trình độ, chất lượng cao.

(Xem tiếp kỳ sau)

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Khoa học xã hội được nói đến trong bài viết này ở nghĩa rộng lớn nhất của nó, được đặt bên cạnh khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ.

² Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018.

^{3,4} Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, năm 2013.

⁵ Xem: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 220.

⁶ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018.

⁷ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về “xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

^{8,9} Xem: Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Hoa Thơm, (2022), Huy động nguồn lực trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học xã hội nhân văn ở Việt Nam giai đoạn 2012- 2022: Cơ chế, chính sách, hiệu quả, những vấn đề đặt ra và định hướng giải pháp trong Kỷ yếu hội thảo Khoa học xã hội và nhân văn qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW: Thực trạng và định hướng phát triển trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2012), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2012), *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về “phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.

4. Quốc hội (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH 13 ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH 14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019*.

5. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 ban hành Chiến lược Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030*.

6. Võ Khánh Vinh (2022), *Đổi mới hệ thống tổ chức nghiên cứu, đào tạo và tư vấn chính sách về khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW (2012-2022) và định hướng cho giai đoạn mới. Kỷ yếu hội thảo: Khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW: Thực trạng và định hướng phát triển trong thời gian tới.*

7. Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Hoa Thơm (2022), *Huy động nguồn lực trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học xã hội nhân văn ở Việt Nam giai đoạn 2012- 2022: Cơ chế, chính sách, hiệu quả, những vấn đề đặt ra và định hướng giải pháp. Kỷ yếu hội thảo: Khoa học xã hội và nhân văn qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW: Thực trạng và định hướng phát triển trong thời gian tới.*

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 30/1/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/2/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/3/2023

Thông tin tác giả:

GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

Nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

PROMOTING THE ROLE OF SOCIAL SCIENTIFIC INTELLECTUALS FOR THE COUNTRY’S DEVELOPMENT AFTER 15 YEARS OF IMPLEMENTING RESOLUTION NO. 27 OF THE 10TH CENTRAL COMMITTEE OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM ON BUILDING A CONTINGENT OF INTELLECTUALS IN THE COUNTRY’S INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION PROCESS

● Prof.Ph.D **VO KHANH VINH**

Former Vice President, Vietnam Academy of Social Sciences

ABSTRACT:

This paper presents an overview of social science and the social scientific intellectuals in Vietnam. Then, the paper analyzes the criteria for evaluating the contribution of social scientific intellectuals, introduces an overview on the development of the social scientific intellectuals and the current contribution of the social scientific intellectuals to Vietnam’s development over the past time. The paper also points out problems that Vietnam need to resolve in order to promote the role of the social scientific intellectuals in the county’s development in the new period.

Keywords: social scientific intellectuals, the current status of social scientific intellectuals, contributions of social scientific intellectuals, promoting the contributions of social scientific intellectuals.